

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.TDM, BD
MST: 3700805566

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2016

Tháng 07/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.694.797.242.495	5.514.372.493.005
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	72.965.685.390	94.282.851.475
1. Tiền	111		29.793.516.780	32.755.710.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.172.168.610	61.527.140.913
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.300.000.000	1.300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.300.000.000	1.300.000.000
III. Các khoản phải thu	130		813.224.977.307	842.693.773.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	773.544.878.558	803.352.757.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	5.052.137.719	5.070.199.803
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	34.496.466.514	34.177.173.826
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		131.494.516	93.642.306
IV. Hàng tồn kho	140		4.644.102.729.469	4.442.074.088.341
1. Hàng tồn kho	141	V.06	4.644.102.729.469	4.442.074.088.341
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.203.850.329	134.021.779.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	3.462.053.418	3.824.385.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.741.796.911	130.184.337.144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	13.057.238
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.777.432.662.497	1.796.570.216.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		807.626.568.784	822.410.467.872
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	336.742.477.325	351.926.705.796
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	470.884.091.459	470.483.762.076
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		575.120.891.521	583.267.644.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	572.813.986.601	580.886.599.747
- Nguyên giá	222		875.068.792.420	875.021.272.420
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(302.254.805.819)	(294.134.672.673)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.306.904.920	2.381.045.096
- Nguyên giá	228		5.416.744.185	5.355.980.685
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(3.109.839.265)	(2.974.935.589)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	172.429.228.101	173.357.151.861
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(12.661.750.560)	(11.733.826.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	203.511.864.431	198.758.842.688
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		203.511.864.431	198.758.842.688
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.544.109.660	18.576.108.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	18.418.088.950	18.445.241.303
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	126.020.710	130.867.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.472.229.904.992	7.310.942.709.232
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.599.822.939.888	4.335.329.251.511
I. Nợ ngắn hạn	310		2.572.712.433.477	2.243.886.415.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	1.312.450.222.127	1.070.703.593.695
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	9.058.586.990	9.661.297.196
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.228.820.918	4.627.300.452
4. Phải trả người lao động	314	V.16	5.311.942.059	5.437.050.473
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17a	228.248.227.695	280.309.589.467
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	593.647.435.889	483.482.682.436
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	413.361.593.328	386.382.105.828
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.405.604.471	3.282.796.119
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.027.110.506.411	2.091.442.835.845
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	568.300.583.500	403.982.110.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17b	-	181.223.668.189
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	7.753.353.180	7.828.923.169
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	4.181.569.731	4.158.133.987
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.446.875.000.000	1.494.250.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.872.406.965.104	2.975.613.457.721
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.872.406.965.104	2.975.613.457.721
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		85.672.028.207	85.672.028.207
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.369.460.897	137.575.953.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		7.101.467.163	120.217.710.498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		27.267.993.734	17.358.243.016
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.472.229.904.992	7.310.942.709.232

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



BÙI THỊ THÙY

TRỊNH THANH HÙNG

ĐỖ QUANG NGÔN

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phù Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Bình

Dương

Mã số thuế: 3700805566

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015	6 tháng Năm 2016	6 tháng Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	142.979.897.309	186.104.383.734	268.592.242.681	328.986.094.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.703.650.667	1.405.994.826	13.968.637.420	2.222.278.899
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	132.276.246.642	184.698.388.908	254.623.605.261	326.763.815.658
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	77.119.135.753	109.812.641.533	142.818.258.813	185.466.629.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55.157.110.889	74.885.747.375	111.805.346.448	141.297.186.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	749.545.645	446.139.491	1.588.329.106	878.174.480
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	28.422.585.852	28.411.775.435	47.921.486.304	39.146.337.974
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.164.777.902	25.153.967.426	41.405.870.405	32.666.522.163
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.906.366.898	10.269.065.240	16.062.991.086	20.040.463.921
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.422.705.272	5.633.184.570	17.748.670.965	11.258.652.889
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.154.998.512	31.017.861.621	31.660.527.199	71.729.905.821
12. Thu nhập khác	31	VI.7	786.071.356	70.083.858	1.322.208.816	156.316.220
13. Chi phí khác	32	VI.8	32.035.438	59.015.984	122.223.443	134.598.379
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		754.035.918	11.067.874	1.199.985.373	21.717.841
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.909.034.430	31.028.929.495	32.860.512.572	71.751.623.662
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	1.999.283.712	5.294.645.629	5.592.518.838	12.388.080.337
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.909.750.718	25.734.283.866	27.267.993.734	59.363.543.325
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.909.750.718	25.734.283.866	27.267.993.734	59.363.543.325
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		32	87	92	210
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		32	87	92	210

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2016 giảm 61% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 2/2016 tổng doanh thu ghi nhận giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù kỳ này doanh thu hoạt động thu phí tăng 8%, doanh thu ghi nhận từ các công ty con tăng đồng thời phát sinh doanh thu từ thi công xây dựng nhưng doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 85% nên tổng doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG



Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng giám đốc

ĐỖ QUANG NGÔN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.909.034.430	31.028.929.495
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.11,12,14	9.182.960.582	9.178.714.362
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(682.498.984)	(487.848.642)
- Chi phí lãi vay	06		25.164.777.902	25.153.967.426
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.574.273.930	64.873.762.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.563.700.188	(125.356.756.133)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(178.611.871.206)	(480.567.491.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		171.754.232.606	699.634.258.880
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		389.484.260	747.565.149
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.162.089.806)	(59.664.901.372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.660.173.099)	(7.273.399.437)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	63.862.644.676
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.309.624.983)	(61.907.207.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.462.068.110)	94.348.475.201
			-	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(108.283.500)	(201.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		673.355.825	431.566.904
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>565.072.325</i>	<i>229.866.904</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18,27	100.996.677.383	247.902.215.871
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(121.392.189.883)	(332.631.312.243)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.657.800)	(24.375.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(20.420.170.300)</i>	<i>(84.753.471.372)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<i>(21.317.166.085)</i>	<i>9.824.870.733</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	V.1	94.282.851.475	82.509.963.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	72.965.685.390	92.334.834.089

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG



Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Fông Giám đốc

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KỸ THUẬT

ĐỖ QUANG NGÔN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng. Riêng chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản là trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu là do doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản giảm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 724 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (Số đầu kỳ là 701 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Chi phí cho hoạt động nghiên cứu thực hiện với mục đích thu thập tri thức về khoa học hoặc kỹ thuật mới được hạch toán vào ngay chi phí khi phát sinh.

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào một kế hoạch, vào thiết kế để sản xuất sản phẩm mới hoặc cải tiến một cách cơ bản sản phẩm trước khi bắt đầu sản xuất hoặc sử dụng mang tính thương mại được vốn hóa nếu đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán.
- Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán.
- Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản vô hình đó phải tạo được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó.
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó.

Chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tạo ra tài sản và một phần chi phí chung được phân bổ theo tiêu thức hợp lý và nhất quán. Chi phí triển khai khác được hạch toán vào chi phí khi phát sinh.

Chi phí triển khai vốn hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán lô đất đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	1.766.985.860	1.355.038.075
Tiền gửi ngân hàng	27.893.207.109	31.314.044.297
Tiền đang chuyển	31.905.492.421	86.628.190
Các khoản tương đương tiền ^(*)	11.400.000.000	61.527.140.913
Cộng	<u>72.965.685.390</u>	<u>94.282.851.475</u>

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	<u>1.300.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Dài hạn	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>190.845.428.151</u>	<u>188.467.829.848</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	81.544.450.831	79.193.974.298
Trường đại học quốc tế Miền Đông	128.628.720	101.506.950
Công ty cổ phần phát triển đô thị	109.172.348.600	109.172.348.600
Phải thu các khách hàng khác	<u>582.699.450.407</u>	<u>614.884.927.699</u>
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	25.750.936.766	54.179.126.522
Các khách hàng khác	556.948.513.641	560.705.801.177
Cộng	<u>773.544.878.558</u>	<u>803.352.757.547</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	68.319.582.750	68.319.582.750
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp	13.733.267.500	13.733.267.500
Công ty cổ phần phát triển đô thị	54.586.315.250	54.586.315.250
Phải thu các khách hàng khác	268.422.894.575	283.607.123.046
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	4.133.923.765	8.893.729.133
Các khách hàng khác	264.288.970.810	274.713.393.913
Cộng	<u>336.742.477.325</u>	<u>351.926.705.796</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác		5.070.199.803
Công ty cổ phần kiến trúc đô thị Ngôi sao Việt	237.600.000	237.600.000
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	3.709.203.867	3.815.640.867
Các nhà cung cấp khác	1.105.333.852	1.016.958.936
Cộng	<u>5.052.137.719</u>	<u>5.070.199.803</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.496.466.514	-	4.177.173.826	-
Lãi tiền gửi dự thu	111.774.118	-	64.666.663	-
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	-	621.950.000	-
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	437.242.847	-	82.003.520	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	15.710.322	-	15.710.322	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	116.764.214		130.064.214	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng công tác	2.155.201.354	-	2.255.607.694	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	253.000.000	-	261.000.000	-
Các khoản phải thu khác	784.823.659	-	746.171.413	-
Cộng	34.496.466.514	-	34.177.173.826	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	470.632.391.459	-	470.267.062.076	-
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên – Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center ^(*)	470.632.391.459	-	470.267.062.076	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	251.700.000	-	216.700.000	-
Ký cược, ký quỹ	251.700.000	-	216.700.000	-
Cộng	470.884.091.459	-	470.483.762.076	-

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		3.405.629.000	3.405.629.000		6.281.968.000	6.281.968.000
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	1.429.760.000	1.429.760.000	Dưới 06 tháng	6.281.968.000	6.281.968.000
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.975.869.000	1.975.869.000			
Các tổ chức và cá nhân khác		431.776.101.223	431.776.101.223		460.914.876.321	460.914.876.321
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	6.705.780.000	6.705.780.000	Dưới 06 tháng	33.477.481.769	33.477.481.769
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	17.565.506.766	17.565.506.766	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	20.701.644.753	20.701.644.753
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.479.650.000	1.479.650.000			
Phải thu các tổ						

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	72.215.889.358	72.215.889.358	Dưới 06 tháng	135.296.986.948	135.296.986.948
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	112.849.332.861	112.849.332.861	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	69.219.559.374	69.219.559.374
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 01 đến dưới 02 năm	89.922.179.109	89.922.179.109	Từ 01 đến dưới 02 năm	81.371.499.748	81.371.499.748
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 02 đến dưới 03 năm	48.549.825.310	48.549.825.310	Từ 02 đến dưới 03 năm	47.012.837.214	47.012.837.214
Phải thu tiền bán bất động sản	Trên 03 năm	82.487.937.819	82.487.937.819	Trên 03 năm	73.834.866.515	73.834.866.515
Cộng		435.181.730.223	435.181.730.223		467.196.844.321	467.196.844.321

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	153.341.046	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.063.685.747	-	1.701.834.036	-
Công cụ, dụng cụ	1.880.200.809	-	2.427.332.625	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	4.613.600.267.300	-	4.411.324.274.747	-
Hàng hóa bất động sản	23.198.815.198	-	23.188.022.398	-
Hàng hóa	4.206.419.369	-	3.432.624.535	-
Cộng	4.644.102.729.469	-	4.442.074.088.341	-

(*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 2.318.131.130.162 VND (số dư đầu kỳ là 2.150.743.079.952 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Tập đoàn được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	628.627.652	1.061.591.077
Chi phí hoa hồng, quảng cáo	2.410.815.861	2.395.815.861
Chi phí khác	422.609.905	366.978.387
Cộng	3.462.053.418	3.824.385.325

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	7.816.178.248	8.884.030.334
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	6.934.139.667	6.080.753.925
Thiết bị thu phí tự động	3.317.030.674	3.210.637.759
Chi phí khác	350.740.361	269.819.285
Cộng	18.418.088.950	18.445.241.303

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	838.910.329.843	1.982.719.015	5.320.336.408	28.807.887.154	875.021.272.420
Mua trong kỳ	-	47.520.000	-	-	47.520.000
Số cuối kỳ	838.910.329.843	2.030.239.015	5.320.336.408	28.807.887.154	875.068.792.420
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.544.680.940	692.079.924	2.696.369.884	12.865.630.931	17.798.761.679
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	269.590.450.862	1.549.630.595	4.042.782.972	18.951.808.244	294.134.672.673
Khấu hao trong kỳ	7.372.564.397	70.959.474	85.434.699	591.174.576	8.120.133.146
Số cuối kỳ	276.963.015.259	1.620.590.069	4.128.217.671	19.542.982.820	302.254.805.819
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	569.319.878.981	433.088.420	1.277.553.436	9.856.078.910	580.886.599.747
Số cuối kỳ	561.947.314.584	409.648.946	1.192.118.737	9.264.904.334	572.813.986.601
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 782.388.577.407 VND và 516.906.932.061 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Tập đoàn được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Chi phí nghiên cứu và triển khai	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	4.943.480.685	412.500.000	5.355.980.685
Số cuối kỳ	5.004.244.185	412.500.000	5.416.744.185
<i>Trong đó:</i>			

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Chi phí nghiên cứu và triển khai</u>	<u>Cộng</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.850.394.021	-	1.850.394.021
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	2.902.748.089	72.187.500	2.974.935.589
Khấu hao trong kỳ	124.591.176	10.312.500	134.903.676
Số cuối kỳ	3.027.339.265	82.500.000	3.109.839.265
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	2.040.732.596	340.312.500	2.381.045.096
Số cuối kỳ	1.976.904.920	330.000.000	2.306.904.920
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư**11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	185.090.978.661	11.733.826.800	173.357.151.861
Khấu hao trong kỳ		927.923.760	
Số cuối kỳ	185.090.978.661	12.661.750.560	172.429.228.101

Tại thời điểm cuối kỳ Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Chung cư IJC Aroma	109.652.785.931	109.652.785.931	104.899.764.188	104.899.764.188
Dự án Rosemary	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500
Cộng	203.511.864.431	203.511.864.431	198.758.842.688	198.758.842.688

13. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	193.878.013	(63.010.353)	130.867.660
Phân bổ trong kỳ		(4.846.950)	
Số cuối kỳ	193.878.013	67.857.303	126.020.710

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	1.305.599.423.615	1.064.141.381.138
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.091.682.539.650	868.793.918.649
Công ty cổ phần bê tông Becamex	52.752.147.738	48.899.935.013
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	140.129.327.360	140.129.327.360
Công ty CP Xây dựng và giao thông Bình Dương	21.035.408.867	6.318.200.116
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.850.798.512	6.562.212.557
Các nhà cung cấp khác	6.850.798.512	6.562.212.557
Cộng	1.312.450.222.127	1.070.703.593.695

14b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	568.300.583.500	403.982.110.500
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	568.300.583.500	403.982.110.500
Cộng	568.300.583.500	403.982.110.500

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước của các khách hàng khác		
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	2.888.849.161	3.592.100.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000
Dự án chung cư IJC Aroma	1.938.803.998	1.574.536.000
Dự án The Green River	1.104.370.167	560.137.500
Khách hàng trang trí nội thất	712.359.000	712.359.000
Dự án Khu dân cư IJC Vĩnh Tân	52.891.036	172.200.000
Các khách hàng khác	1.666.313.628	2.354.964.696
Cộng	9.058.586.990	9.661.297.196

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.168.163.430	4.899.604.044	(1.661.979.603)	4.405.787.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.458.370.240	1.985.983.712	(3.660.173.099)	1.784.180.853
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(13.057.238)	161.168.754	(109.259.322)	38.852.194
Các loại thuế khác	766.782	635.260.671	(636.027.453)	-
Cộng	4.614.243.214	7.682.017.181	(6.067.439.477)	6.228.820.918

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày trên khoản thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế
- Các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rốt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm thứ 05 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.909.034.430	31.028.929.495
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- <i>Bù lỗ kỳ trước của các công ty con</i>	<i>(1.137.562.331)</i>	
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	<i>1.521.565.065</i>	<i>1.019.269.950</i>
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>		
Thu nhập tính thuế	12.293.037.164	32.048.199.445
Trong đó		
- <i>Hoạt động kinh doanh thu phí</i>	<i>39.784.231.278</i>	<i>33.459.142.000</i>
- <i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	<i>(27.491.194.114)</i>	<i>(1.410.942.555)</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>20%</u>	<u>22%</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.458.607.433	7.050.603.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	526.261.694	(1.755.958.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.932.345.739	5.294.645.629
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước	66.937.973	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(13.300.000)	9.631.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.985.983.712	5.304.276.765

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 06 năm 2016 còn phải trả.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	195.151.611.351	254.724.906.394
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	49.917.561.740	198.576.749.442
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất chung cư IJC Aroma	-	72.048.070.630
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất shop Aroma	-	14.413.929.370
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất khu biệt thự Sunflower	-	65.454.995.652
- Lãi trả chậm cổ tức	49.917.561.740	46.659.753.790
Công ty Liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	145.234.049.611	42.768.876.270
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vinh Tân	145.234.049.611	42.768.876.270
Công ty CP Xây dựng và giao thông Bình Dương	-	13.379.280.682
Trích trước giá vốn thi công Nhà Ở Xã Hội	-	13.379.280.682
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	33.096.616.344	25.584.683.073
Trích trước giá vốn xây dựng chung cư IJC Aroma	1.209.909.233	1.937.181.959
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	162.621.146	1.633.991.325
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	76.356.564	168.810.081

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	2.504.764.091	2.504.764.091
Chi phí lãi vay	26.001.646.431	16.829.166.670
Chi phí tiếp thị, môi giới	1.023.636.361	859.999.999
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	155.360.002
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.962.322.516	1.495.408.946
Cộng	228.248.227.695	280.309.589.467
Chi phí phải trả dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	-	181.223.668.189
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	-	80.667.367.278
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung cư IJC Aroma	-	20.809.876.401
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất shop Aroma	-	4.255.070.630
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Prince Town	-	55.602.420.247
Công ty Liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	-	100.556.300.911
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	-	100.556.300.911
Cộng	-	181.223.668.189
19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	7.753.353.180	7.828.923.169
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	4.620.204.548	4.695.774.537
Dự án khu đô thị IJC	3.133.148.632	3.133.148.632
Cộng	7.753.353.180	7.828.923.169
20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
20a. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	527.437.625.762	438.491.821.062
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	527.437.625.762	438.491.821.062
- Phải trả cổ tức	482.984.022.302	396.557.619.902
- Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	2.648.666.916	2.648.666.916
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	40.518.385.473	37.998.983.173
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.286.551.071	1.286.551.071
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	66.209.810.127	42.288.286.424
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	838.568.464	1.290.573.122
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.702.802.055	26.310.109.055
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	4.446.902.986	4.426.126.334

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	23.868.929.700	642.179.900
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	8.066.952.108	8.054.290.164
Phí bảo trì chung cư New Horizon	500.926.838	422.462.240
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	160.115.907	160.115.907
Thù lao hội đồng quản trị	-	573.000.000
Các khoản phải trả khác	2.624.612.069	3.112.004.652
Cộng	<u>593.647.435.889</u>	<u>483.482.682.436</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	413.361.593.328	413.361.593.328	386.382.105.828	386.382.105.828
Vay ngắn hạn ngân hàng	230.611.593.328	230.611.593.328	270.632.105.828	270.632.105.828
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	186.256.182.529	186.256.182.529	226.933.495.291	226.933.495.291
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	44.355.410.799	44.355.410.799	43.698.610.537	43.698.610.537
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	182.750.000.000	182.750.000.000	115.750.000.000	115.750.000.000
Cộng	<u>413.361.593.328</u>	<u>413.361.593.328</u>	<u>386.382.105.828</u>	<u>386.382.105.828</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 11.552 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 167TC15 ngày 08 tháng 12 năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay kết chuyển trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	270.632.105.828	46.996.677.383	-	(87.017.189.883)	230.611.593.328
Vay dài hạn đến hạn trả	115.750.000.000	-	101.375.000.000	(34.375.000.000)	182.750.000.000
Cộng	386.382.105.828	46.996.677.383	101.375.000.000	(121.392.189.883)	413.361.593.328

21b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	446.875.000.000	446.875.000.000	494.250.000.000	494.250.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	446.875.000.000	446.875.000.000	494.250.000.000	494.250.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	15.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	75.000.000.000	75.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	55.875.000.000	55.875.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	90.000.000.000	90.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương ^(v)	211.000.000.000	211.000.000.000	203.750.000.000	203.750.000.000
Trái phiếu thường dài hạn ^(vi)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	1.446.875.000.000	1.446.875.000.000	1.494.250.000.000	1.494.250.000.000

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m² theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m² theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m² theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m² theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 40.947m² theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 28.221m² theo hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m² và theo hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (vi) Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
Trái phiếu phát hành cho các tổ chức khác			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Phát hành theo mệnh giá			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong ^(a)	10,25 %/năm	05 năm	600.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	600.000.000.000
Phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á ^(b)	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000
Cộng			<u>1.000.000.000.000</u>			<u>1.000.000.000.000</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	629.625.000.000	182.750.000.000	446.875.000.000	-
Trái phiếu thường	<u>1.000.000.000.000</u>	-	<u>1.000.000.000.000</u>	-
Cộng	<u>1.629.625.000.000</u>	<u>182.750.000.000</u>	<u>1.446.875.000.000</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số đầu kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	610.000.000.000	115.750.000.000	494.250.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.610.000.000.000	115.750.000.000	1.494.250.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	494.250.000.000	54.000.000.000	101.375.000.000	446.875.000.000
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Cộng	1.494.250.000.000	54.000.000.000	101.375.000.000	1.446.875.000.000

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	3.282.796.119	891.130.866
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.438.433.335	6.822.942.663
Chi quỹ	(2.315.624.983)	(4.017.740.975)
Số cuối kỳ	4.405.604.471	3.696.332.554

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	264.671.342.505	3.100.147.091.486
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	25.734.283.866	25.734.283.866
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	(6.822.942.663)	(6.822.942.663)
Chia cổ tức	-	-	-	(219.355.620.000)	(219.355.620.000)
Số dư cuối kỳ trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	64.227.063.708	2.899.702.812.689
Số dư đầu kỳ này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	85.672.028.207	137.575.953.514	2.975.613.457.721
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	9.909.750.718	9.909.750.718
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	(3.438.433.335)	(3.438.433.335)
Chia cổ tức	-	-	-	(109.677.810.000)	(109.677.810.000)
Số dư cuối kỳ này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	85.672.028.207	34.369.460.897	2.872.406.965.104

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	2.160.660.060.000	2.160.660.060.000
Các cổ đông khác	581.285.190.000	581.285.190.000
Cộng	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>2.741.945.250.000</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Tài sản thuê ngoài

Tập đoàn thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 năm đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

24b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dollar Mỹ (USD)	15.926,62	14.735,52
Yen Nhật (JPY)	10.000	50

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán vé cầu đường	57.164.626.105	52.811.764.626
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.355.172.476	108.343.478.947
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	3.230.170.402	3.275.844.863
Doanh thu xây dựng và thi công CSHT	31.240.920.864	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	34.989.007.462	21.673.295.298
Cộng	<u>142.979.897.309</u>	<u>186.104.383.734</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Thi công thâm nhự	31.240.920.864	-
Cung cấp dịch vụ	8.147.650.472	5.985.313.863
Bán vé máy bay	152.632.222	168.872.244
Bán hàng hóa siêu thị	4.435.392	12.683.900
Trường đại học quốc tế Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	123.599.888	338.201.166
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	10.669.143.483	1.361.748.637
Giảm giá hàng bán	34.507.184	44.246.189
Cộng	10.703.650.667	1.405.994.826
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	10.609.752.710	11.410.523.850
Giá vốn kinh doanh bất động sản	9.099.388.041	78.422.611.662
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.710.149.908	4.223.503.484
Giá vốn xây dựng và thi công CSHT	28.973.024.392	-
Giá vốn kinh doanh hàng hóa, dịch vụ	24.726.820.702	15.756.002.537
Cộng	77.119.135.753	109.812.641.533
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	676.825.075	365.030.904
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	72.720.570	81.108.587
Cộng	749.545.645	446.139.491
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	25.164.777.902	25.153.967.426
Lãi chậm trả cổ tức	3.257.807.950	3.257.808.009
Cộng	28.422.585.852	28.411.775.435
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.911.503.862	3.782.530.962
Chi phí vật liệu, bao bì	647.924.125	50.774.426
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	143.511.565	875.085.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	140.361.856	157.158.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.762.492.060	499.968.840
Các chi phí khác	300.573.430	4.903.547.070
Cộng	7.906.366.898	10.269.065.240

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.617.746.055	3.457.835.475
Chi phí vật liệu quản lý	76.876.803	111.508.938
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.639.108	244.150.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.580.654	224.942.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.882.905.160	1.221.843.780
Các chi phí khác	343.957.492	372.903.444
Cộng	8.422.705.272	5.633.184.570

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	9.909.750.718	25.734.283.866
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.254.262.121	1.811.958.665
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	8.655.488.597	23.922.325.201
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	274.194.525	274.194.525
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	32	87

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.626.617.497	6.244.428.219
Chi phí nhân công	17.331.876.800	11.695.748.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.263.966.621	9.178.714.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.286.919.251	13.117.367.155
Chi phí khác	2.408.297.981	6.410.229.320
Cộng	52.917.678.150	46.646.487.942

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang có hiệu lực từ 01 đến 04 năm và có khả năng gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 463.516.625 VND (cùng kỳ năm trước là 359.570.000VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết với công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b.

Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	365.329.383	4.836.649.805
Cổ tức phải trả	86.426.402.400	172.852.804.800
Lãi cổ tức phải trả	3.257.807.940	3.257.808.009
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince Town	37.564.211	10.888.880

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Aroma	-	91.909
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Nhà phố Prince Town theo hợp đồng 45/DTMBĐ	56.217.895.491	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBĐ	169.939.681.973	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 163/DTMBĐ	114.999.998.955	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 232/DTMBĐ	65.999.999.400	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	-	76.120.825.465
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án TĐC Hòa lợi theo hợp đồng 68/HĐNT	-	142.674.953.976
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	43.184.502	1.563.043.438
Thi công xây dựng nhà	2.860.068.311	
Thi công thăm nhữa	28.973.024.392	
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương		
Thi công xây dựng nhà	13.379.280.682	

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Tập đoàn được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 772.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3, V.5, V.13, V.17 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex Tower.
- Lĩnh vực khác: xây dựng nhà, nhà hàng, khách sạn, vé máy bay, siêu thị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm từ trang 37 tới trang 39.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.965.685.390	-	-	-	72.965.685.390
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	675.105.625.660	-	435.181.730.223	-	1.110.287.355.883
Các khoản phải thu khác	523.924.667.633	-	-	-	523.924.667.633
Cộng	1.273.295.978.683	-	435.181.730.223	-	1.708.477.708.906
Số đầu kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.282.851.475	-	-	-	94.282.851.475
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	688.082.619.022	-	467.196.844.321	-	1.155.279.463.343
Các khoản phải thu khác	523.237.044.865	-	-	-	523.237.044.865
Cộng	1.306.902.515.362	-	467.196.844.321	-	1.774.099.359.683

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quá hạn dưới 06 tháng	80.351.429.358	175.056.436.717
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	132.390.708.627	89.921.204.127
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	91.401.829.109	81.371.499.748
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	48.549.825.310	47.012.837.214
Quá hạn trên 03 năm	82.487.937.819	73.834.866.515
Cộng	435.181.730.223	467.196.844.321

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	580.191.460.903	1.787.966.416.294	-	2.368.157.877.196
Phải trả người bán	1.312.450.222.127	568.300.583.500	-	1.880.750.805.627
Các khoản phải trả khác	827.207.605.643	4.181.569.731	-	831.389.175.374
Cộng	2.719.849.288.673	2.360.448.569.525	-	5.080.297.858.197
Số đầu kỳ				
Vay và nợ	421.716.132.610	2.057.745.208.333	-	2.479.461.340.943
Phải trả người bán	1.070.703.593.695	403.982.110.500	-	1.474.685.704.195
Các khoản phải trả khác	950.452.990.565	4.158.133.987	-	954.611.124.552
Cộng	2.442.872.716.870	2.465.885.452.820	-	4.908.758.169.690

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chỉ có rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 3 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay và nợ	(1.860.236.593.328)	(1.880.632.105.828)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(1.858.936.593.328)	(1.879.332.105.828)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giá định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 29.693.176.686VND (năm trước giảm/tăng 29.617.378.684 VND).

4d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.965.685.390	94.282.851.475	72.965.685.390	94.282.851.475
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.110.287.355.883	1.155.279.463.343	1.110.287.355.883	1.155.279.463.343
Các khoản phải thu khác	523.924.667.633	523.237.044.865	523.924.667.633	523.237.044.865
Cộng	1.708.477.708.906	1.774.099.359.683	1.708.477.708.906	1.774.099.359.683

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	1.860.236.593.328	1.880.632.105.828	1.860.236.593.328	1.880.632.105.828
Phải trả người bán	1.880.750.805.627	1.474.685.704.195	1.880.750.805.627	1.474.685.704.195
Các khoản phải trả khác	831.389.175.374	954.611.124.552	831.389.175.374	954.611.124.552
Cộng	4.572.376.574.329	4.309.928.934.575	4.572.376.574.329	4.309.928.934.575

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Bùi Thị Thùy
Người lập biểu

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn:

Kỳ này	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.164.626.105	5.670.945.445	846.035.933	68.594.639.159		132.276.246.642
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.164.626.105	5.670.945.445	846.035.933	68.594.639.159		132.276.246.642
Kết quả kinh doanh theo bộ phận						
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.784.231.278	(26.213.985.116)	(420.741.701)	(2.218.149.818)		10.931.354.643
Doanh thu hoạt động tài chính						10.931.354.643
Chi phí tài chính						749.545.645
Thu nhập khác						(525.901.776)
Chi phí khác						786.071.356
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(32.035.438)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(1.999.283.712)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						9.909.750.718
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.433.442.301	1.014.908	151.412	554.765.739		2.989.374.360
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.698.786.557	112.426.459	1.235.896.085	2.447.644.597		12.494.753.699
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-		-

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư		Các khoản loại trừ		Cộng
	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác			
Kỳ trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.811.764.626	106.967.912.128	3.275.844.863	21.642.867.291	-	-	184.698.388.908
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.811.764.626	106.967.912.128	3.275.844.863	21.642.867.291	-	-	184.698.388.908
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.678.089.137	(6.485.864.036)	(1.299.955.737)	3.679.452.766	-	-	30.571.722.130
Chi phí tài chính							
Thu nhập khác							
Chi phí khác							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.330.185.160	25.097.241	49.674.922	771.976.135	-	-	2.176.933.458
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.433.172.985	413.247.030	722.101.457	2.340.844.286	-	-	11.909.365.758

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

BÙI THỊ THÙY
Người lập biểu

TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



T. B. QUANG NGÓN
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND						
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:						
	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	534.072.705.745	6.038.006.147.276	178.629.569.213	613.996.525.664	-	7.364.704.947.898
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						107.524.957.094
Tổng tài sản						7.472.229.904.992
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	65.300.185.147	3.516.028.672.223	207.530.146.264	231.178.336.483	-	4.020.037.340.117
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						579.785.599.771
Tổng nợ phải trả						4.599.822.939.888
Số đầu kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	540.337.216.005	5.823.921.856.857	179.037.673.786	541.285.889.843	-	7.084.582.636.491
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						226.360.072.741
Tổng tài sản						7.310.942.709.232
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	37.200.000.000	3.089.055.864.756	193.067.302.005	61.406.368.369	-	3.380.729.535.130
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						954.599.716.381
Tổng nợ phải trả						4.335.329.251.511

BÙI THỊ THỦY
Người lập biểu

TRINH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



